

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM**

LÊ THỊ PHƯƠNG HỒNG

**PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG VÙNG
ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU
XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP Ở VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: QUẢN LÝ GIÁO DỤC
Mã số: 62.14.01.14**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SỸ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Hà Nội - 2015

Công trình được hoàn thành tại
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM

Người hướng dẫn khoa học:

- GS. TS. Phạm Tất Dong
- TS. Nguyễn Vinh Hiển

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện họp tại Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam vào hồi.... giờ...ngày....tháng năm 2015.

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Hà Nội - 2015

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Ngày nay, giáo dục thường xuyên (GDTX), học tập suốt đời (HTSD), xây dựng xã hội học tập là nhu cầu tất yếu của các quốc gia, của tất cả mọi người để sống và làm việc trong thế giới năng động và chuyển biến mau lẹ.

Ở Việt Nam, ngay sau khi nước nhà vừa giành độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra tư tưởng HTSD; nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách khẳng định vị trí, vai trò và sự cần thiết của giáo dục, của HTSD cho mọi người và xây dựng xã hội học tập (XHHT): Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X và Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XI khẳng định: “Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, HTSD và xây dựng XHHT”.

Từ năm 1999, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức nghiên cứu và chỉ đạo xây dựng, phát triển trung tâm học tập cộng đồng (TTHTCĐ) trên toàn quốc. Tuy chưa có lịch sử phát triển lâu dài nhưng hệ thống TTHTCĐ đã khẳng định được vị trí trong hệ thống GDTX và trong mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của từng cộng đồng dân cư và cả nước.

Vùng đồng bằng Sông Hồng (ĐBSH), chiếc nôi văn hóa của người Việt, vùng đất nổi tiếng với truyền thống hiếu học, khoa bảng, nơi sinh ra nhiều bậc hiền tài cho đất nước, sau hơn 15 năm xây dựng và phát triển TTHTCĐ đã có 2.450 TTHTCĐ/2451 xã, phường, thị trấn. Các TTHTCĐ đã góp phần nâng cao dân trí, phát triển nguồn lực, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống của, góp phần an sinh xã hội, phát triển kinh tế ... Tuy nhiên, trước yêu cầu của mục tiêu phát triển KT-XH của Vùng và cả nước, TTHTCĐ còn những bất cập, cần được giải quyết về cơ chế, chính sách, về nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất (CSV), đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV), hướng dẫn viên (HDV), báo cáo viên (BCV),... Việc tìm ra giải pháp phát triển bền vững các TTHTCĐ trong những năm đầu xây dựng XHHT là rất cần thiết và cấp bách. Chính vì vậy, tác giả chọn đề tài nghiên cứu: "***Phát triển trung tâm học tập cộng đồng vùng đồng bằng Sông Hồng trong những năm đầu xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam***".

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, đề xuất các giải pháp quản lý phát triển TTHTCĐ góp phần đáp ứng yêu cầu xây dựng XHHT, phát triển KT-XH của các tỉnh vùng ĐBSH trong những năm đầu xây dựng XHHT ở Việt Nam.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Vấn đề phát triển TTHTCĐ.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Vấn đề phát triển TTHTCĐ ở các tỉnh vùng đồng bằng Sông Hồng.

4. Giả thuyết khoa học

Nếu áp dụng các giải pháp quản lý mang tính chất hệ thống, toàn diện phù hợp với những đặc trưng của TTHTCĐ như một thực thể giáo dục - xã hội, đồng thời chú ý đúng mức đến đặc điểm KT-XH, truyền thống văn hóa, thực tiễn giáo dục và những yêu cầu an sinh xã hội của vùng ĐBSH sẽ góp phần nâng cao được chất lượng, hiệu quả giáo dục của các TTHTCĐ.

5. Nội dung và phạm vi nghiên cứu

- Cơ sở lí luận về quản lý phát triển TTHTCĐ gắn với nhu cầu của cộng đồng, đáp ứng nhu cầu phát triển KT-XH của các địa phương.

- Thực trạng quản lý phát triển TTHTCĐ trong quá trình xây dựng XHHT ở Việt Nam.

- Đề xuất các giải pháp quản lý phát triển hệ thống TTHTCĐ đáp ứng nhu cầu của cộng đồng, nhu cầu phát triển KTXH của vùng ĐBSH trong những năm đầu xây dựng XHHT.

- Khảo nghiệm các giải pháp phát triển TTHTCĐ ở một số tỉnh: Hải Dương, Thái Bình, Bắc Ninh, Nam Định, Quảng Ninh; thử nghiệm một số giải pháp phát triển TTHTCĐ ở một số địa phương vùng ĐBSH (tỉnh Quảng Ninh).

6. Phương pháp tiếp cận và các phương pháp nghiên cứu

6.1. Phương pháp tiếp cận

- Tiếp cận hệ thống trong việc xác định các thành tố quản lý TTHTCĐ và mối quan hệ giữa các thành tố, các cơ chế tác động, phối hợp. Mặt khác, phải đặt TTHTCĐ với tư cách là một bộ phận của giáo dục không chính quy trong mối quan hệ hệ thống với giáo dục chính quy để xây dựng hệ giáo dục mở.

- Tiếp cận lịch sử - lôgic trong việc xem xét thực trạng và xu thế phát triển TTHTCĐ gắn với bối cảnh cụ thể phát triển kinh tế, văn hoá và xã hội của các địa phương để xác định các xu thế phát triển tất yếu của các TTHTCĐ trong giai đoạn hiện nay.

- Tiếp cận nhu cầu của các đối tượng ở từng địa phương. Từ đó, tổ chức các hoạt động, xây dựng các giải pháp quản lý phát triển TTHTCĐ nhằm đáp ứng nhu cầu và vì sự phát triển cộng đồng, vì sự phát triển KT-XH của địa phương.

6.2. Các phương pháp nghiên cứu

- Thu thập, tổng hợp các tài liệu có liên quan đến vấn đề nghiên cứu; tiến hành hệ thống hoá, phân tích, so sánh, diễn giải, quy nạp để xây dựng khung lý thuyết; sử dụng phương pháp thống kê, so sánh, định tính, định lượng để xử lý các kết quả khảo sát.

- Khảo sát bằng phiếu hỏi các đối tượng là cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, người học ở các TTHTCĐ và một số đối tượng khác.

- Quan sát sự điều hành, quy trình tổ chức hoạt động và quản lý phát triển TTHTCĐ nhằm tổng kết kinh nghiệm thực tiễn.

- Nghiên cứu trường hợp điển hình: nghiên cứu thực trạng quản lý của một số TTHTCĐ tiên tiến để rút ra những bài học kinh nghiệm phục vụ việc đề xuất xây dựng các giải pháp.

- Tham vấn chuyên gia: thông qua các hội thảo khoa học để tham vấn các chuyên gia nghiên cứu và các nhà quản lý giáo dục về nhóm giải pháp do nghiên cứu sinh đề xuất.

- Khảo nghiệm, thử nghiệm để xác định tính hợp lý và khả thi trong thực tiễn của các giải pháp đề xuất.

7. Ý tưởng của luận án

- Quản lý phát triển TTHTCĐ nhằm giúp cho những thiết chế này gắn với từng cộng đồng dân cư, giúp người dân có cơ hội, điều kiện tham gia học tập thường xuyên là một công việc có ý nghĩa quan trọng và thiết thực để xây dựng XHHT từ cơ sở, góp phần thực hiện Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 9/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Xây dựng XHHT giai đoạn 2012-2020.

- TTHTCĐ hướng tới phải là một cơ sở giáo dục người lớn, với mục tiêu cơ bản là xây dựng nhân cách và hệ thống năng lực công dân có nghề, có năng suất lao động cao, có đủ năng lực cải thiện đời sống của bản thân, của gia đình và của cộng đồng.

- TTHTCĐ phải thực sự trở thành cơ sở học tập thường xuyên, bồi dưỡng nhân lực tại chỗ. Hiện nay, các TTHTCĐ đang mở ra các lớp học, khóa học và các chuyên đề để giải quyết việc xóa mù chữ, bổ túc kiến thức sau xóa mù chữ, dạy nghề ngắn hạn và các chuyên đề phục vụ nhu cầu “cần gì học nấy” của nhân dân. Trong tương lai không xa, một số TTHTCĐ sẽ cung cấp nhiều cơ hội với nội dung học tập rất đa dạng cho mọi người dân.

8. Luận điểm bảo vệ

- Mô hình TTHTCĐ ra đời là kết quả của quá trình đi tìm một phương thức HSD cho cư dân tại cộng đồng ở nhiều nước, trong đó có Việt Nam. TTHTCĐ là cơ sở giáo dục người lớn gắn với cộng đồng dân cư cấp xã. Từ năm 2005 đến nay, Đảng, Nhà nước, nhân dân ta đã coi TTHTCĐ như một thiết chế giáo dục không thể thiếu nhằm đáp ứng nhu cầu hiểu biết về khoa học, công nghệ, luật pháp, các kỹ năng sống trong môi trường tự nhiên và xã hội nhiều thay đổi như hiện nay của các cộng đồng dân cư. Về bản chất, TTHTCĐ là cơ sở giáo dục không chính quy ở cộng đồng dân cư. Việc quản lý phát triển TTHTCĐ là quản lý sự phát triển của một thiết chế giáo dục ở xã, phường.

- Thực tiễn quá trình xây dựng và phát triển TTHTCĐ cho thấy muốn TTHTCĐ hoạt động hiệu quả, thiết thực, chúng ta cần đặc biệt chú trọng đến nhân tố “quản lý”. Đây là điểm mấu chốt đảm bảo cho TTHTCĐ thực sự trở thành cơ sở giáo dục của cộng đồng, do cộng đồng, vì cộng đồng.

- Quán triệt quan điểm quản lý vào phát triển TTHTCĐ trong bối cảnh hiện nay được thể hiện thông qua việc thực hiện đồng bộ các chức năng quản lý: lập kế hoạch; tổ chức thực hiện; chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá quá trình hoạt động; cung ứng các điều kiện đảm bảo cho các hoạt động quản lý của TTHTCĐ; hoàn thiện cơ chế, chính sách, phối hợp các cơ quan chức năng; ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào quản lý phát triển, dạy và học của TTHTCĐ nhằm giúp cho TTHTCĐ phát triển bền vững, góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa (CNH), hiện đại hóa (HĐH) đất nước, tạo điều kiện mở rộng thị trường, giao lưu, hội nhập khu vực và quốc tế.

9. Một số điểm mới của luận án

Phân tích, khái quát hóa thành các giải pháp phát triển bền vững TTHTCĐ từ những kinh nghiệm, những sáng kiến của nhân dân vùng ĐBSH, một số tỉnh trong cả nước và của một số quốc gia trên thế giới về tổ chức, phát triển các mô hình giáo dục người lớn tại cộng đồng, góp phần xây dựng và mở rộng lý luận về xây dựng - quản lý - phát triển bền vững TTHTCĐ của Việt Nam nói chung, vùng ĐBSH nói riêng. Đồng thời đề xuất những giải pháp hiệu quả, phù hợp trong điều kiện mới.

10. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và khuyến nghị, phần nội dung luận án gồm 3 chương:

- **Chương 1:** Cơ sở lý luận về phát triển trung tâm học tập cộng đồng trong những năm đầu xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam.

- **Chương 2:** Kinh nghiệm quốc tế và trong nước, thực trạng phát triển trung tâm học tập cộng đồng vùng đồng bằng Sông Hồng.

- **Chương 3:** Giải pháp phát triển trung tâm học tập cộng đồng vùng đồng bằng Sông Hồng trong những năm đầu xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP Ở VIỆT NAM

1.1. Tổng quan lịch sử nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Những nghiên cứu về học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập

1.1.1.1. Những nghiên cứu về học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập của quốc tế

XHHT là một khái niệm đã được các nhà khoa học thế giới bàn đến từ những năm 60 của thế kỷ XX. Trước những vấn đề phát triển kinh tế và phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ, Donal Alan Schon đã đưa ra khái niệm “The learning Society” (XHHT) khi bàn đến giáo dục công lập và tư thục trong một xã hội đang có những thay đổi lớn lao và nhanh chóng (trong tác phẩm Public and private learning in a change Society).

Nhiều công trình khoa học cho rằng, giáo dục cho người trưởng thành là công việc hết sức “hiệu nghiệm” để đẩy nhanh quá trình phát triển xã hội và phải nghiên cứu việc tổ chức học cho thế hệ những người đã trưởng thành trong một xã hội công dân phải học tập thường xuyên (Robert M.Hutchin và Turten Husen...)

In’Am Al Mufli đã nói đến mở rộng cơ hội học tập cho người lớn, tạo ra nguồn nhân lực tốt cho nền sản xuất. Roberto Caneiro cũng nhấn mạnh đến việc xóa bỏ tình trạng khốn cùng mới, sự nghèo nàn về văn hóa và tinh thần cũng như về đời sống vật chất của người lao động. Ngày nay, các quốc gia phát triển đã bắt tay xây dựng nhanh chóng các thành phố học tập (learning city), mô hình công dân học tập để tiến tới xây dựng quốc gia học tập.

Tổng giám đốc UNESCO, ông Federico Mayor cho rằng, cần phải thay đổi tư duy giáo dục, coi giáo dục như một nhân tố then chốt để phát triển.

Khái niệm HTSD (Lifelong Learning) luôn gắn với khái niệm XHHT. Jacques Delors là người nêu lên 4 trụ cột giáo dục, người ta học qua 4 nhu cầu này trong suốt

cuộc đời của họ. Bàn về học tập suốt đời, Myong Won Sulir có bài viết về sự cần thiết phải mở rộng việc hiểu biết thông qua HTSD vì một cuộc sống tốt đẹp hơn cho mọi người. Vào thập kỷ 90 của thế kỷ XX, Aleksandra Kornhauser đã đưa ra công trình về HTSD với vấn đề phát triển con người bền vững. Cũng trong thời gian này Rodolfo Stavenhagen đề cập tới vấn đề HTSD vì một thế giới đa văn hóa. Karan Singh thì đặt vấn đề rộng hơn: Học suốt đời vì một xã hội toàn cầu.

Như vậy, việc biến các ý tưởng XHHT, HTSD và thành phố học tập trở thành hiện thực phụ thuộc vào cả những hành động vĩ mô ở cấp chính phủ quốc gia lẫn các hoạt động vi mô của thành phố, cộng đồng. Kinh nghiệm của các nước, mặc dù vẫn còn nhiều thách thức song việc thành lập các thành phố học tập, mô hình công dân học tập đã thực sự trở thành cách tiếp cận thực tiễn nhằm thúc đẩy HTSD trong cộng đồng quốc tế.

1.1.1.2. Những nghiên cứu về HTSD và xây dựng XHHT của Việt Nam

Ở Việt Nam, đã có những công trình nghiên cứu về XHHT theo ba cách tiếp cận sau: đi từ vấn đề kinh tế tri thức đề xuất những đổi mới nền giáo dục, trong đó nội dung cốt lõi là XHHT; cách tiếp cận vấn đề nguồn nhân lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa trước bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế mà đề xuất XHHT; xuất phát từ việc phát triển những khoa học cụ thể, những ngành sản xuất trực tiếp mà nhà nghiên cứu đề xuất một cuộc cải cách giáo dục theo hướng xây dựng XHHT.

Trước những yêu cầu mới về hội nhập quốc tế và phát triển bền vững, trong báo cáo “Thực trạng và tầm nhìn 2020 về học tập suốt đời - xây dựng xã hội học tập tại Việt Nam” Thứ trưởng Nguyễn Vinh Hiển đã khẳng định: đảm bảo mọi điều kiện cần thiết nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi để mọi người, ở mọi lứa tuổi, mọi trình độ được học tập thường xuyên, HTSD góp phần nâng cao dân trí và năng lực công dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và chất lượng cuộc sống của bản thân, gia đình và xã hội. Trong đó, HTSD vừa là mục tiêu, vừa là giải pháp để XD XHHT; học trong XHHT được mở rộng với 5 trụ cột: học để biết, học để làm, học để tồn tại, học để cùng chung sống và học để quan tâm đến hành tinh.

1.1.2. Những nghiên cứu và quá trình phát triển trung tâm học tập cộng đồng

1.1.2.1. Những nghiên cứu và quá trình phát triển TTHTCĐ trên thế giới

Báo cáo của Hội đồng quốc tế về giáo dục cho thế kỷ 21 gửi UNESCO năm 1996 đã khẳng định: ba chủ thể đóng vai trò quan trọng cho sự thành công của cải cách giáo dục là cộng đồng địa phương (các bậc cha mẹ, người đứng đầu các tổ chức xã hội và các nhà giáo), chính quyền địa phương và cộng đồng quốc tế.

UNESCO coi việc xây dựng và phát triển TTHTCĐ là một giải pháp quan trọng để phát triển cộng đồng, góp phần làm xóa bỏ dần sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn. Mô hình TTHTCĐ được xem là một công cụ, một cơ chế có hiệu quả nhất trong việc thực hiện “giáo dục cho mọi người” và “mọi người cho giáo dục”. Năm 1998, một thiết chế giáo dục phục vụ người lớn tuổi được đề xuất là TTHTCĐ và được triển khai ở 18 quốc gia khu vực châu Á - Thái bình dương, trong đó có Việt Nam.

1.1.2.2. Những nghiên cứu và quá trình phát triển TTHTCĐ ở Việt Nam

Ở Việt Nam có những công trình nghiên cứu của Tô Bá Trượng, Thái Xuân Đào, Phạm Quang Huân, Nguyễn Như Át, Nguyễn Văn Nghĩa... về xây dựng và phát triển TTHTCĐ, kết quả nghiên cứu đã làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn của TTHTCĐ như: vị trí, chức năng của TTHTCĐ trong hệ thống giáo dục quốc dân và trong hệ thống GDTX; vai trò của TTHTCĐ đối với việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ở địa phương; công tác quản lý TTHTCĐ; những kết quả bước đầu trong việc phát triển mô hình giáo dục TTHTCĐ...

Đề tài “Xây dựng mô hình thí điểm về TTHTCĐ cấp xã ở nông thôn miền Bắc” của nhóm tác giả thuộc Viện Khoa học giáo dục Việt Nam đã trình bày khá rõ hệ thống những kết quả nghiên cứu về TTHTCĐ về cả phương diện lý luận và thực tiễn.

Trong một số công trình nghiên cứu khoa học, tác giả Phạm Tất Dong đã đánh giá những kết quả đạt được của TTHTCĐ: tạo ra cơ hội HTTX, “cần gì, học nấy” cho người dân, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển nguồn nhân lực, phát triển giáo dục tại cộng đồng.

Hội Khuyến học Việt Nam đã đi đầu trong việc quán triệt chủ trương của Đảng và Nhà nước về xây dựng XHHT, phát triển TTHTCĐ thông qua việc triển khai các đề tài nghiên cứu, tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học, phong trào khuyến học, khuyến tài...

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với Hiệp hội Quốc gia các tổ chức UNESCO Nhật Bản (NFUAJ) tổ chức biên soạn cuốn “Sổ tay thành lập và quản lý trung tâm học tập cộng đồng”.

Các kết quả công trình nghiên cứu nêu trên có ý nghĩa rất quan trọng về lý luận và thực tiễn của TTHTCĐ. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có công trình nghiên cứu, đánh giá một cách đầy đủ về thực trạng phát triển TTHTCĐ nhằm đưa ra những giải pháp để TTHTCĐ hoạt động một cách hiệu quả, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, phù hợp với tình hình phát triển của những năm đầu xây dựng XHHT ở nước ta.

1.2. Một số khái niệm cơ bản

1.2.1. Xã hội học tập: là một xã hội mà trong đó mọi người đều được học, học thường xuyên, học suốt đời, học mọi lúc, mọi nơi và mọi lực lượng xã hội đều có trách nhiệm tạo cơ hội học tập cho mọi người dân.

1.2.2. Học tập suốt đời: là một quá trình học hỏi liên tục của mỗi con người nhằm bổ sung và thích ứng những kiến thức và kỹ năng, sự xét đoán và năng lực hành động của người đó. HTSD làm cho con người có kiến thức, biết làm, biết sống như thế nào với người khác và tích lũy những kinh nghiệm xã hội - lịch sử.

1.2.3. Các hình thức học tập trong xã hội học tập

1.2.3.1. Giáo dục chính quy: là hệ thống giáo dục (GD) nền tảng có cấu trúc chặt chẽ theo cấp học, bậc học, được tiến hành trong nhà trường (từ mầm non đến đại học). Chương trình có quy định về mục tiêu GD, nội dung học tập, thời lượng, phương pháp GD, phương pháp kiểm tra, đánh giá đối với từng lớp học, cấp học, trình độ đào tạo. Như vậy, GDCQ được hiểu là hệ thống GD có tổ chức, được cung cấp chính thức trong các cơ sở GD.

1.2.3.2. Giáo dục không chính quy: là hệ thống GD theo chương trình ngoài hệ thống chính quy. Đó là hình thức GD có sự quy định mềm dẻo về mục tiêu GD, cách thức và các phương pháp quản lý, thời lượng, phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả. Nội dung dạy học GDKCQ được xây dựng thích hợp với nhu cầu người học và tùy thuộc vào sự cần thiết của nhóm người học.

1.2.3.3. Giáo dục không chính tắc hay phi chính quy: là khái niệm còn có nhiều bàn luận. Một số tác giả gọi là GDPCQ và thường bị nhầm lẫn với GDKCQ. Đây là hình thức học đáp ứng nhanh với những yêu cầu người học theo phương thức “cần gì học nấy”, hoặc gặp cơ hội thì học mà không có chủ đích trước. Loại hình GD này cho phép con người tự học phù hợp với hứng thú, sở trường, sự sẵn sàng và các cơ hội học tập trong cuộc sống cá nhân, trong công việc và điều kiện về tài liệu học tập, phương tiện truyền thông và các nguồn tri thức.

1.2.4. Giáo dục thường xuyên: được hiểu là hệ thống GDKCQ, bên cạnh hệ thống GDCQ. Về thuật ngữ GDTX, theo Luật giáo dục 2005, được sử dụng với nghĩa: GDKCQ giúp cho mọi người có cơ hội vừa làm, vừa học, học liên tục, học suốt đời nhằm hoàn thiện nhân cách, mở rộng hiểu biết, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghề nghiệp để cải thiện cuộc sống, tìm việc làm, tự tạo việc làm và thích nghi với cuộc sống xã hội. Hình thức GDKCQ được thực hiện trước hết ở các cơ sở GDTX và cũng có thể được thực hiện trong cơ sở GDCQ.

1.2.5. Cộng đồng và giáo dục cộng đồng

1.2.5.1. Cộng đồng: là tập hợp các thành viên sống trên một địa bàn nhất định, gắn kết với nhau bởi các mối quan hệ, phong tục tập quán, truyền thống lịch sử - văn hoá, có sự chia sẻ với nhau về tâm lý - tình cảm, trách nhiệm - nghĩa vụ, kiến thức - kinh nghiệm, vật chất, tinh thần... Khái niệm cộng đồng (CĐ) được sử dụng trong luận án này giới hạn ở phạm vi xã, phường, thị trấn.

1.2.5.2. Giáo dục cộng đồng: là GD trong CĐ và có sự tham gia của CĐ vào GD với hình thức chủ yếu là GDKCQ và GDPCQ. Triết lý cơ bản của GDCĐ là "giáo dục cho mọi người và học tập suốt đời". Theo đó, người học vừa lĩnh hội được kiến thức, kỹ năng có thể ứng dụng ngay vào đời sống và cả những điều cần thiết để thích nghi với xã hội hiện tại và tương lai.

1.2.6. Phát triển và Quản lý phát triển

1.2.6.1. Phát triển: "Phát triển" hiểu theo nghĩa chung nhất là sự vận động theo khuynh hướng đi lên, biến hóa của sự vật từ nhỏ đến lớn, từ đơn giản đến phức tạp, từ thấp đến cao, từ vật chất cũ đến vật chất mới.

1.2.6.2. Phát triển cộng đồng: Phát triển cộng đồng là những hoạt động hướng vào việc nâng cao phúc lợi vật chất và xã hội cho cư dân một địa phương, thành thị hay nông thôn, nhất định, cùng chung ý thức của nhóm và có quyền lợi chung. Về nguyên tắc, những người dân đó phải đóng vai trò chính trong việc quyết định và tham gia vào các hoạt động; tập hợp các nguyên tắc và phương pháp khích lệ dân cư của một cộng đồng, quan tâm và có trách nhiệm đối với việc nâng cao đời sống vật chất và xã hội của cộng đồng.

1.2.6.3. Phát triển bền vững: Phát triển bền vững được hiểu là sự phát triển để đáp ứng được nhu cầu hiện tại mà không phương hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của cả thế hệ tương lai. Phát triển bền vững bao hàm trong nó ba khía cạnh là bền vững về kinh tế, bền vững về xã hội và bền vững về môi trường.

1.2.6.4. Quản lý sự thay đổi: là kế hoạch hóa và chỉ đạo triển khai sự thay đổi để đạt được mục tiêu đề ra cho sự thay đổi đó mà không gây xáo trộn nếu không thật sự cần thiết. Quản lý sự thay đổi trong GD lấy “cân bằng động” làm điểm tựa và tính lộ trình là một đặc điểm quan trọng. Quản lý sự thay đổi coi trọng nguyên tắc phù hợp, thích ứng và kế thừa phát triển.

1.2.6.5. Quản lý phát triển: là quá trình thực hiện các hoạt động lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, lãnh đạo và kiểm tra giám sát đối với đối tượng (quản lý/mục tiêu) nhằm đảm bảo sự chuyển biến một cách bền vững cả về chất và lượng theo những mục tiêu đã được hoạch định.

Quản lý phát triển có những điểm cơ bản sau:

- Đối tượng của quản lý phát triển là những vấn đề, những quan hệ, hành vi đang đặt ra đòi hỏi phải giải quyết trong quá trình phát triển của một xã hội, một đất nước.

- Chủ thể quản lý không chỉ là các cơ quan trong bộ máy nhà nước mà còn bao gồm cả những tổ chức xã hội, các CĐ với tư cách là những thể chế xã hội. Trong đó, cơ quan Nhà nước đóng vai trò là cơ quan công quyền (người quản lý công), các tổ chức xã hội đóng vai trò là người tham gia quản lý hoặc tự quản.

- Phương thức quản lý phát triển chủ yếu được tổng hợp theo hai phương thức quản lý: quản lý công và tự quản.

1.2.7. Trung tâm học tập cộng đồng: là cơ sở GDTX được thành lập tại xã, phường, thị trấn, hoạt động theo phương thức GDKCCQ.

1.2.8. Quản lý trung tâm học tập cộng đồng và Quản lý phát triển trung tâm học tập cộng đồng

1.2.8.1. Quản lý TTHTCD : là quá trình lãnh đạo, tổ chức, điều khiển toàn bộ hoạt động của TTHTCD, nhằm đảm bảo cho thiết chế GD này đạt được kết quả mong muốn.

1.2.8.2. Quản lý phát triển TTHTCD: là hoạt động của cơ quan Nhà nước và của các tổ chức xã hội, bằng các phương tiện của mình tác động vào quá trình tổ chức xây dựng, phát triển, hoàn thiện các TTHTCD theo tiêu chí phát triển và phát triển bền vững của giáo dục người lớn. Hay nói cách khác: quản lý phát triển TTHTCD là quá trình liên tục đạt đến những mục tiêu mới của trung tâm bằng cách vận dụng các hoạt động kế hoạch hóa, tổ chức, chỉ đạo và đánh giá quá trình phát triển.

1.3. Trung tâm học tập cộng đồng - một thiết chế giáo dục cho cộng đồng

1.3.1. Mục đích của trung tâm học tập cộng đồng: Tạo ra những cơ hội học tập cho mọi người dân trong CĐ để nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển nguồn nhân lực cộng đồng; tạo điều kiện để đáp ứng nhu cầu học tập theo phương châm “cần gì học nấy”, GD suốt đời cho mọi người; xây dựng hệ thống GDTX ở cơ sở để ai cũng được học hành, ai cũng có thể tham gia vào công việc GD và học tập tại cộng đồng.

1.3.2. Vị trí của trung tâm học tập cộng đồng: TTHTCĐ nằm trong hệ thống mạng lưới GDTX, là cơ sở GDTX ở địa phương.

1.3.3. Chức năng của trung tâm học tập cộng đồng: GD và huấn luyện; thông tin và tư vấn; phát triển cộng đồng; liên kết phối hợp.

1.3.4. Sự mạng của trung tâm học tập cộng đồng: nâng cao dân trí; bồi dưỡng nguồn nhân lực; đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên, học tập suốt đời cho cộng đồng.

1.3.5. Tính chất của trung tâm học tập cộng đồng: tính thiết thực; tính tiết kiệm, tính kinh tế; tính linh hoạt, cập nhật; thực sự là của CĐ, do CĐ và vì sự phát triển của CĐ.

1.3.6. Tổ chức, quy trình hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng: Điều tra nhu cầu học tập của CĐ; xác định mục tiêu của chương trình hoạt động; sắp xếp thứ tự các hoạt động, các công việc, đưa ra những việc cần ưu tiên; tổ chức thực hiện và điều chỉnh công việc.

1.4. Nội dung phát triển trung tâm học tập cộng đồng theo chức năng của hoạt động quản lý

1.4.1. Kế hoạch hóa

Lập kế hoạch có nghĩa là suy nghĩ trước một hoạt động phải thực hiện và chuẩn bị cách để thực hiện những công việc đạt kết quả mong muốn. Xây dựng kế hoạch là cầu nối khoảng cách giữa vị trí của tổ chức và nơi mà tổ chức muốn tới.

1.4.2. Tổ chức thực hiện

Tổ chức là sắp xếp mọi thứ để các cá nhân có khả năng cùng làm việc và liên hệ một cách tích cực với nhau. Quá trình của tổ chức gồm 5 bước: xem xét những kế hoạch và mục tiêu; xác định các hoạt động; phân loại và nhóm các hoạt động; phân công công việc và nguồn lực; đánh giá kết quả.

1.4.3. Lãnh đạo - Điều phối

Người quản lý phải là những nhà lãnh đạo hiệu quả. Chức năng lãnh đạo của người quản lý bao gồm: định hướng; tạo ảnh hưởng; giám sát; đánh giá; hướng dẫn.

Sự phối hợp tốt nhất tìm thấy khi các cá nhân nhìn ra công việc của họ đóng góp như thế nào vào những mục tiêu của một tổ chức, không chỉ cần thiết đối với một số ít người đứng đầu mà còn với tất cả mọi người trong toàn tổ chức.

1.4.4. Kiểm tra - Giám sát

Chức năng kiểm tra cho phép nhà quản lý xác định tổ chức đã đáp ứng những mục tiêu đặt ra chưa để từ đó điều chỉnh kế hoạch, điều chỉnh hoạt động. Chức năng quản lý của việc kiểm tra bao gồm việc đo lường và hiệu chỉnh những công việc được thực hiện bởi những người cấp dưới để đảm bảo rằng những kế hoạch của tổ chức được thực hiện hiệu quả. Để công tác kiểm tra, giám sát có hiệu quả, người quản lý phải thiết lập các tiêu chuẩn, kiểm tra tiến độ, đánh giá, giải thích các kết quả.

1.4.5. Nguồn lực phát triển trung tâm HTCĐ gồm: nguồn lực con người; nguồn lực tài chính; nguồn lực về cơ sở vật chất (CSVC); nguồn lực thông tin.

1.4.6. Các đặc trưng của quản lý phát triển trung tâm học tập cộng đồng

Quản lý TTHTCĐ là quá trình lãnh đạo, tổ chức, điều khiển toàn bộ hoạt động của TTHTCĐ, nhằm đảm bảo cho thiết chế GD này đạt được kết quả mong muốn. Quản lý TTHTCĐ mang tính cá thể hóa; quản lý TTHTCĐ mang tính linh hoạt, mềm dẻo; quản lý TTHTCĐ là quản lý hoạt động học tập của người lớn.

1.4.7. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý phát triển TTHTCĐ

Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, sự đồng tình ủng hộ của chính quyền địa phương; sự tự nguyện tham gia và tinh thần làm chủ của CĐ; lòng hiếu học và nhu cầu học tập thường xuyên của người dân trong CĐ; năng lực của cán bộ quản lý TTHTCĐ; nguồn lực của CĐ.

Kết luận chương 1

Xây dựng XHHT gắn với HTSD cho mọi người là một xu thế phát triển của các quốc gia trên thế giới, nhất là trong kỷ nguyên kinh tế tri thức, hội nhập, toàn cầu hóa hiện nay. Ở nước ta, TTHTCĐ mới bắt đầu được hình thành từ năm 1999. Công tác quản lý giữ vai trò then chốt trong việc xây dựng và phát triển TTHTCĐ, cần được thường xuyên rút kinh nghiệm, nghiên cứu để ngày càng hoàn thiện. Quản lý phát triển chính là quản lý sự ổn định và phát triển theo từng chức năng, nhiệm vụ của TTHTCĐ.

Chương 2

KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC, THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

2.1. Sự hình thành và phát triển trung tâm học tập cộng đồng ở một số nước trên thế giới

TTHTCĐ có thể coi là phát minh quan trọng nhất mà bấy lâu nay thế giới đang tìm kiếm” để thực hiện “giáo dục cho mọi người” và “mọi người vì giáo dục”.

Chương trình Châu Á - Thái Bình Dương về Giáo dục cho mọi người (APPEAL) đã triển khai từ năm 1998. Nhiều quốc gia trong khu vực đã xây dựng và phát triển TTHTCĐ như Trung Quốc, Nhật Bản, Kazakhstan, Thái Lan, Ấn Độ, Myanmar, Singapore... và đã thành công, đạt được mục tiêu đề ra. Đáng kể là Nhật Bản, Trung Quốc, Singapore.

2.2. Khái quát sự hình thành và phát triển TTHTCĐ ở Việt Nam

2.2.1. Đảng và Nhà nước đã có nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về xây dựng XHHT, HTSD và phát triển TTHTCĐ

- Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX, X, XI, Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã chỉ rõ: “Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập”.

- Luật GD, Điều 44 đã khẳng định “giáo dục thường xuyên giúp mọi người vừa làm vừa học, học liên tục, học suốt đời nhằm hoàn thiện nhân cách, mở rộng hiểu

biết, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ để cải thiện chất lượng cuộc sống, tìm việc làm, tự tạo việc làm và thích nghi với đời sống xã hội”, khoản 1, Điều 46 khẳng định: “trung tâm học tập cộng đồng là cơ sở giáo dục thường xuyên, được tổ chức tại xã, phường, thị trấn”.

- Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010, 2012-2020; Quyết định số 112/QĐ - TTg phê duyệt “Đề án Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2005-2010”; Quyết định số 89/QĐ - TTg phê duyệt “Đề án Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020”...

2.2.2. Một số kết quả

Từ 10 trung tâm được xây dựng thí điểm với sự hỗ trợ kinh phí của Nhật Bản (năm học 1998-1999), đến năm học 2013-2014 cả nước đã có 10.994 TTHTCĐ, đạt tỷ lệ 98,75% xã, phường, thị trấn trong cả nước, với 30.410 cán bộ quản lý. Hầu hết các TTHTCĐ đều có đủ đội ngũ cán bộ quản lý. Tuy còn nhiều khó khăn, các TTHTCĐ đã nỗ lực cố gắng và đạt được những kết quả cụ thể, có tác dụng nhiều mặt đến phát triển KT-XH. Nhiều địa phương chủ động triển khai thực hiện Thông tư 96/2008/TT-BTC, ngày 27/10/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các TTHTCĐ. Ngoài sự hỗ trợ của Nhà nước, các địa phương còn huy động các nguồn lực khác hỗ trợ các hoạt động ở TTHTCĐ; nhiều địa phương đã chỉ đạo xây dựng mô hình TTHTCĐ kết hợp với Trung tâm Văn hóa - Thể thao, Thư viện, Buu điện Văn hóa xã để tận dụng CSVC và những phương tiện sẵn có ở địa phương

Một số tổ chức xã hội như Hội Khuyến học Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Người cao tuổi Việt Nam, Bộ đội Biên phòng, Hội Cựu giáo chức Việt Nam đã có những đóng góp quan trọng trong các hoạt động của TTHTCĐ, nhất là Hội Khuyến học Việt Nam.

Tác động của TTHTCĐ: đã góp phần thực hiện các mục tiêu về giáo dục, văn hóa, xã hội như xóa mù chữ, phổ cập giáo dục, nâng cao dân trí; giảm các tệ nạn xã hội; xây dựng gia đình văn hóa, làng xã văn hóa; duy trì bản sắc văn hóa của địa phương; hạn chế bất bình đẳng giới; phòng tránh dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe cho người dân... TTHTCĐ còn góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiểu biết, kỹ năng và ý thức của người dân về bảo vệ môi trường - yếu tố quan trọng đối với sự phát triển bền vững của cộng đồng.

2.2.3. Trung tâm học tập cộng đồng trong đời sống kinh tế - xã hội, chính trị - văn hóa và xây dựng xã hội học tập

Mặc dù mới được hình thành và phát triển ở Việt Nam, TTHTCĐ được đánh giá là mô hình giáo dục có hiệu quả trong việc tạo cơ hội HTSD cho mọi người dân ở cộng đồng. TTHTCĐ được coi là công cụ thiết yếu để xây dựng xã hội học tập ở cơ sở, là mô hình giáo dục có hiệu quả trong việc thực hiện “giáo dục cho mọi người” và “mọi người cho giáo dục”. Việc xây dựng XHHT ở nước ta phải trải qua hai giai đoạn: giai đoạn phát triển đầu của XHHT gắn liền với mục tiêu tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội, xóa đói giảm nghèo, thực hiện công bằng xã hội; giai đoạn thứ hai: xây dựng XHHT để phát triển kinh tế tri thức.

2.3. Thực trạng phát triển TTHTCĐ ở một số địa phương ngoài vùng ĐBSH

Nhiều địa phương đã ban hành những cơ chế đặc thù để xây dựng và phát triển TTHTCĐ như các tỉnh: Thanh Hóa, Đồng Nai, Hòa Bình, ... Cụ thể:

- Thanh Hóa đã vận dụng sáng tạo và hiệu quả các chủ trương, cơ chế chính sách của Trung ương vào điều kiện cụ thể của địa phương, ban hành kịp thời hệ thống văn bản hướng dẫn của cấp ủy, chính quyền phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của từng vùng, miền trên địa bàn tỉnh. Coi trọng việc chỉ đạo điểm, sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm về công tác quản lý và tổ chức hoạt động của TTHTCĐ theo từng vùng, miền trên địa bàn (vùng thành phố, đô thị; vùng đồng bằng nông thôn; vùng miền núi), đồng thời chỉ ra các yếu kém trong công tác quản lý, chỉ đạo và hoạt động của TTHTCĐ, đề ra các giải pháp trong thời gian tới.

- Hòa Bình, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, UBND tỉnh để ban hành hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện nhằm củng cố và phát triển TTHTCĐ; cấp ngân sách chi thường xuyên hàng năm cho mỗi TTHTCĐ 20 - 25 triệu đồng; cấp ngân sách đầu tư xây mới cho mỗi huyện 01 TTHTCĐ với số tiền 1,4 tỷ đồng. Chỉ đạo xây dựng và phát triển các Câu lạc bộ phát triển cộng đồng thôn với quan điểm: mỗi TTHTCĐ là trường học của cả xã; Câu lạc bộ phát triển cộng đồng là lớp học của cả thôn, xóm, tổ; các nhóm thành viên thuộc Câu lạc bộ phát triển cộng đồng là các tổ học tập trong thôn. Câu lạc bộ phát triển cộng đồng thôn đã trở thành các “vệ tinh”, “hệ thống chân rết” của các TTHTCĐ. Câu lạc bộ phát triển cộng đồng là một mô hình mới giúp cho việc phát triển bền vững các TTHTCĐ.

- Đồng Nai đã vận dụng sáng tạo và linh hoạt việc lồng ghép, sáp nhập các trung tâm văn hóa, thể thao với TTHTCĐ thành trung tâm Văn hóa - Thể thao - Học tập cộng đồng để tận dụng và khai thác nguồn lực sẵn có của địa phương nhằm đáp ứng nhu cầu về học tập, sinh hoạt, vui chơi, giải trí, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân tại các xã, nhất là vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

2.4. Thực trạng xây dựng và phát triển TTHTCĐ vùng ĐBSH

2.4.1. Khái quát về điều kiện tự nhiên, tình hình phát triển KTXH, truyền thống lịch sử, văn hóa, giáo dục

Giáo dục và đào tạo (GDĐT) vùng ĐBSH đang phát triển vững chắc, luôn đứng đầu cả nước cả về quy mô và chất lượng giáo dục. Công tác xây dựng XHHT đã được triển khai đồng bộ. Chương trình GDTX ở các TTGDTX cấp tỉnh, cấp huyện và TTHTCĐ được phát triển đa dạng, đáp ứng nhu cầu học tập của cộng đồng. Các tỉnh trong Vùng luôn dẫn đầu cả nước về nghiên cứu, thí điểm việc tổ chức hoạt động của TTHTCĐ kết hợp với trung tâm văn hóa - thể thao, bưu điện cấp xã để tận dụng các điều kiện về CSVC, trang thiết bị, huy động mọi nguồn nhân lực tại địa phương, góp phần xây dựng XHHT từ cơ sở. Trong Vùng, thành phố Hải Dương là đơn vị đầu tiên trong cả nước đang tổ chức thực hiện thí điểm xây dựng thành phố học tập, là một bước đột phá xây dựng XHHT theo xu thế phát triển của thế giới.

Tuy nhiên, GDĐT của Vùng vẫn còn một số tồn tại: Chất lượng GD chưa đáp ứng được yêu cầu của lao động kỹ thuật hiện nay; Công tác tham mưu của các cấp quản

lý giáo dục còn thiếu nhạy bén, kịp thời; Đội ngũ giáo viên chưa đồng bộ, chất lượng không đồng đều, cơ cấu bất hợp lý; CSVC, trang thiết bị dạy học còn thiếu thốn, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp dạy học.

2.4.2. Khái quát về hệ thống TTHTCĐ vùng ĐBSH

Từ năm 1999, vùng ĐBSH đã được Bộ GDĐT chọn làm thí điểm xây dựng TTHTCĐ tại xã Việt Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình cùng với các TTHTCĐ thí điểm khác trong toàn quốc. Đến nay, hệ thống TTHTCĐ ở vùng đã phát triển rộng khắp, có 2.450 TTHTCĐ/2451 đơn vị cấp xã.

Về số lượng người học: là Vùng có số lượng học viên nhiều nhất cả nước.

Về nội dung giảng dạy: ngoài các tài liệu do Bộ GDĐT ban hành, các tỉnh đã chủ động tự biên soạn các tài liệu riêng của địa phương về chính trị, pháp luật, bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư để triển khai tại các TTGD TX, TTHTCĐ, điển hình là các tỉnh Thái Bình, Quảng Ninh, Bắc Ninh.

Về kinh phí: ngoài những quy định của Nhà nước, các tỉnh trong Vùng đã có chính sách hỗ trợ kinh phí mua sắm CSVC ban đầu, kinh phí hoạt động thường xuyên hàng năm cho các TTHTCĐ và huy động từ nguồn khác hỗ trợ cho hoạt động TTHTCĐ.

Về CSVC: đến nay, tỷ lệ TTHTCĐ có trụ sở riêng, có tủ sách riêng, có phòng thiết bị riêng cao nhất cả nước.

Về đội ngũ giáo viên, hướng dẫn viên, cộng tác viên, báo cáo viên tham gia hoạt động thường xuyên của toàn Vùng cũng có tỷ lệ cao nhất cả nước.

Về chất lượng dạy và học: đến năm học 2013-2014, 100% các tỉnh trong Vùng đã thực hiện đánh giá, xếp loại TTHTCĐ. Mô hình hoạt động ngày càng đa dạng, phong phú và linh hoạt, phục vụ thiết thực cho cộng đồng và tạo cơ hội cho người dân “cần gì học nấy”. Nhiều địa phương đã chủ động xây dựng mô hình TTHTCĐ với nhiều chức năng để huy động, việc kết hợp với Nhà văn hóa xã, chiếm tỷ lệ cao nhất cả nước.

2.4.3. Về công tác quản lý phát triển TTHTCĐ vùng ĐBSH

Kết quả xử lý 211 phiếu hỏi các đối tượng là giám đốc, phó giám đốc, giáo viên, hướng dẫn viên, học viên TTHTCĐ của vùng ĐBSH. Cho thấy cán bộ quản lý TTHTCĐ đã có nhiều cố gắng trong quản lý phát triển TTHTCĐ nhưng hiệu quả chưa cao (phải chăng do năng lực của cán bộ quản lý, đặc biệt là giám đốc TTHTCĐ còn nhiều hạn chế?); nhân sự quản lý TTHTCĐ đều là kiêm nhiệm dẫn đến thiếu thời gian cho công tác quản lý; công tác tuyên truyền, phổ biến về vai trò, chức năng của TTHTCĐ đến với người dân, cộng đồng và các tổ chức chưa hiệu quả, kéo theo sự tham gia, phối hợp còn hạn chế.

2.4.4. Đánh giá thực trạng quản lý phát triển TTHTCĐ vùng ĐBSH

2.4.4.1. Thành tựu đạt được

Việc ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn từ Trung ương đến địa phương tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng và phát triển TTHTCĐ.

Các địa phương trong vùng ĐBSH đã triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương và có cơ chế đặc thù, phù hợp điều kiện KTXH của từng vùng miền để xây dựng phát triển TTHTCĐ; bố trí kịp thời đội ngũ CBQL, BCV, HDV, GV

cho TTHTCĐ; có nội dung giảng dạy, học tập, chuyển giao công nghệ, dạy nghề phù hợp cho người học trên địa bàn; tổ chức tập huấn công tác quản lý và điều hành cho cán bộ quản lý cấp phòng GDĐT, cán bộ quản lý TTHTCĐ.

2.4.4.2. Hạn chế

- Nhận thức của xã hội, của đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp và người dân về phát triển TTHTCĐ xây dựng XHHT còn hạn chế. Nhiều người còn chưa hiểu hoặc hiểu chưa đúng về TTHTCĐ; Văn bản quy phạm pháp luật ở những năm đầu chưa kịp thời và đồng bộ; việc thực hiện, vận dụng các chế độ, chính sách còn tùy thuộc vào nhận thức của từng địa phương v.v...

- Công tác lập kế hoạch và tổ chức hoạt động còn mang tính hình thức; chương trình, nội dung học tập chưa cập nhật, chưa phù hợp với thực tế.

- Bộ máy quản lý TTHTCĐ còn thiếu và chưa đủ năng lực quản lý; nhiều cán bộ biệt phái chưa “toàn tâm, toàn lực” làm việc ở TTHTCĐ.

- Nguồn ngân sách đầu tư xây dựng CSVC, trang thiết bị và hỗ trợ chi thường xuyên cho TTHTCĐ còn quá ít; thiếu phòng học, thiết bị và phương tiện phục vụ cho các hoạt động của TTHTCĐ;

- Công tác phối hợp, liên kết giữa các ngành, các cấp và các lực lượng xã hội khác còn hạn chế. Việc xã hội hóa chưa được đẩy mạnh, còn gặp nhiều khó khăn. Sự tham gia làm chủ của cộng đồng để phát triển TTHTCĐ còn hạn chế;

- Chưa có sự phối hợp, liên kết, tương tác giữa hoạt động của TTHTCĐ với 4 Nhà (Nhà nông, Nhà nước, Nhà khoa học và Nhà doanh nghiệp) trong sản xuất nông nghiệp và các dịch vụ khác của cộng đồng;

- Công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá chưa tạo được động lực thúc đẩy sự phát triển.

2.4.4.3. Nguyên nhân thành công

Chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước về xây dựng và phát triển TTHTCĐ; sự quan tâm chỉ đạo của Bộ GDĐT và Hội Khuyến học Việt Nam trong việc ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn thực hiện nhằm xây dựng và phát triển TTHTCĐ; sự quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện của cấp ủy Đảng, chính quyền từ cấp tỉnh đến cơ sở, có cơ chế đầu tư, hỗ trợ phù hợp từ ngân sách để xây dựng và phát triển TTHTCĐ; có sự phối hợp, lồng ghép, sáp nhập các hoạt động văn hóa, thể thao, giáo dục trên địa bàn để khai thác sử dụng CSVC sẵn có vì một mục đích chung của cộng đồng.

2.4.4.4. Nguyên nhân hạn chế

- TTHTCĐ là thiết chế giáo dục mới nên việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn của Trung ương và địa phương chưa đồng bộ và kịp thời;

- Nhận thức của nhiều cấp ủy đảng, chính quyền, người dân về vai trò của TTHTCĐ trong sự nghiệp phát triển giáo dục và sự phát triển KT-XH của địa phương còn hạn chế;

- Chưa hoàn thiện cơ chế phối hợp quản lý, huy động nguồn lực đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển TTHTCĐ; bộ máy quản lý cấp xã, Ban giám đốc TTHTCĐ, đội

ngũ GV, HDV, BCV của TTHTCĐ còn thiếu, chưa đủ năng lực trong việc tổ chức các hoạt động của TTHTCĐ.

2.4.4.5. Cơ hội và thách thức phát triển TTHTCĐ trong những năm đầu xây dựng XHHT

Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản và chỉ đạo các bộ ngành, địa phương; yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức và hội nhập kinh tế thế giới của đất nước đòi hỏi nhu cầu học tập thường xuyên HTSD của người dân ngày càng tăng; vùng ĐBSH là địa bàn tiên phong của cả nước về phát triển KTXH. Đó vừa là cơ hội, vừa là thách thức yêu cầu phát triển GDĐT, trong đó có TTHTCĐ.

Kết luận chương 2

Vùng ĐBSH là vùng KTXH trọng điểm của cả nước trong công cuộc phát triển KTXH theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Với mạng lưới TTHTCĐ gần như phủ kín các đơn vị cấp xã (tỷ lệ bao phủ: 99,96%), đòi hỏi hoạt động của TTHTCĐ phải có vai trò tích cực trong việc thúc đẩy nhanh sự phát triển KTXH ở cộng đồng. Trong thực tế, có nhiều mâu thuẫn cần được giải quyết để hoàn thiện hơn nữa loại hình TTHTCĐ trên địa bàn. Trước hết, cần phải bồi dưỡng đội ngũ CBQL, GV ở TTHTCĐ theo hướng chuyên nghiệp hơn, giúp họ nắm được những vấn đề cơ bản về giáo dục theo các độ tuổi. Hoạt động dạy và học ở TTHTCĐ phải được cải tiến theo hướng coi trọng năng lực tự học, năng lực thực hành và nhu cầu phát triển KTXH của cộng đồng. Nhà nước cần có những chính sách đầu tư phù hợp để TTHTCĐ có CSVC, trang thiết bị tối thiểu, đảm bảo cho các hoạt động dạy và học, để người học có điều kiện tiếp cận với phương thức học từ xa, học trên mạng thông tin.v.v... Việc đề ra những giải pháp hữu hiệu để quản lý và quản lý phát TTHTCĐ là vấn đề cấp thiết đối với sự nghiệp GD nói chung và GDTX nói riêng.

Chương 3

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP Ở VIỆT NAM

3.1. Định hướng phát triển trung tâm học tập cộng đồng vùng đồng bằng Sông Hồng

3.1.1. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng Sông Hồng

Quy hoạch phát triển KTXH Vùng ĐBSH đến năm 2020, với mục tiêu “Xây dựng vùng đồng bằng Sông Hồng thực sự là địa bàn tiên phong của cả nước thực hiện các “đột phá chiến lược”, tái cấu trúc kinh tế, đổi mới thành công mô hình tăng trưởng, trở thành đầu tàu của cả nước về phát triển kinh tế, đảm đương vai trò to lớn đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế; bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm an sinh xã hội, giữ vững thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và trật tự an toàn xã hội”.

3.1.2. Định hướng phát triển trung tâm học tập cộng đồng vùng đồng bằng Sông Hồng

Trên cơ sở định hướng phát triển KTXH vùng ĐBSH đến năm 2020 định hướng đổi mới hệ thống GD quốc dân, đổi mới và phát triển phương thức GDTX, TTHTCD vùng ĐBSH trong những năm tới sẽ phải thực hiện mục tiêu sau:

1) Xây dựng và phát triển mô hình giáo dục mở, gắn kết được GDCQ với GDKCQ, phát triển hệ thống TTHTCD cấp xã phù hợp với chiến lược xây dựng XHHT từ cơ sở; hoạt động của TTHTCD phải gắn liền với mục tiêu của Đề án Xây dựng XHHT giai đoạn 2012-2020, Đề án Đẩy mạnh phong trào HTSD trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020 và Đề án Xóa mù chữ đến năm 2020.

2) Hoàn thiện tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động, chế độ quản lý tài chính, quản lý các hoạt động của TTHTCD theo hướng đảm bảo các TTHTCD được quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, tài chính. Đề xuất với nhà nước ban hành những văn bản quy phạm pháp luật nhằm phát triển bền vững TTHTCD.

3) Tổ chức tốt những nội dung học tập ở TTHTCD theo quy định tại Thông tư số 26/2010/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT. Tổ chức nhiều hình thức học tập linh hoạt, thiết thực gắn liền với việc phát triển KTXH của Vùng, của từng địa phương; ưu tiên việc GD và dạy nghề truyền thống, duy trì và phát triển văn hóa truyền thống, bảo vệ môi trường, góp phần xây dựng nông thôn mới; bảo đảm cho người dân được chuyển giao những tri thức mới, những công nghệ mới để phát triển sản xuất, tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và đời sống tinh thần, đáp ứng nhu cầu HTSD của mọi người.

4) Huy động có hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển bền vững TTHTCD đáp ứng yêu cầu về CSVC - kỹ thuật sao cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong quản lý, dạy và học để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của TTHTCD.

3.2. Nguyên tắc xây dựng các giải pháp

Đảm bảo tính lịch sử và kế thừa; đảm bảo tính thực tiễn; đảm bảo tính phối hợp và liên kết; đảm bảo tính khả thi; đảm bảo tính đồng bộ.

3.3. Giải pháp phát triển trung tâm học tập cộng đồng vùng đồng bằng Sông Hồng trong những năm đầu xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam

3.3.1. Giải pháp 1: Đẩy mạnh công tác lãnh đạo của cấp ủy và quản lý chỉ đạo của chính quyền địa phương các cấp nhằm đạt các chỉ tiêu xây dựng xã hội học tập tại địa phương theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

3.3.1.1. Mục tiêu của giải pháp

Cấp ủy và chính quyền địa phương phải quán triệt sâu sắc chủ trương của Đảng và Nhà nước về xây dựng XHHT trong đó có việc phát triển TTHTCD.

Nâng cao nhận thức của người dân, giúp người dân hiểu rõ được ý nghĩa của việc học tập, học tập thường xuyên, HTSD, từ đó thúc đẩy cả xã hội tham gia học tập và cùng chung tay góp sức phát triển TTHTCD, xây dựng XHHT.

3.3.1.2. Ý nghĩa của giải pháp

Sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, tạo chuyển biến sâu sắc về nhận thức, sự phối hợp đồng bộ để xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động của TTHTCĐ.

3.3.1.3. Nội dung và cách thức thực hiện giải pháp

1) Bảo đảm vai trò của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, đặc biệt là cấp cơ sở xã, phường trong công tác lãnh đạo TTHTCĐ, thường xuyên giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện xây dựng và phát triển XHHT; coi việc thực hiện các nhiệm vụ trên là một trong những tiêu chuẩn đánh giá, phân loại Đảng bộ các cấp.

2) Ban hành chính sách, các quy định nhằm khuyến khích cán bộ, đảng viên tự học và đăng ký tham gia các khóa học bồi dưỡng, đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ được giao và gương mẫu, tích cực tham gia học tập, rèn luyện thường xuyên ở các TTHTCĐ.

3) Thường xuyên làm tốt công tác truyền thông, cung cấp thông tin về đường lối, chủ trương, chính sách; mục đích, yêu cầu; thuận lợi, khó khăn... nhằm làm chuyển biến tích cực nhận thức của mọi người về vị trí, vai trò của việc xây dựng, phát triển TTHTCĐ.

4) Tuyên truyền, vận động gắn kết việc phát triển TTHTCĐ với phong trào học tập thường xuyên, HTSĐ trong mỗi gia đình, mỗi dòng họ, trong CĐ bằng nhiều hình thức tổ chức khác nhau, động viên tinh thần và biểu dương, khen thưởng.

3.3.1.4. Điều kiện thực hiện giải pháp

Cấp ủy và chính quyền ban hành các Nghị quyết, Chương trình hành động, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn kịp thời về việc quản lý phát triển TTHTCĐ tại địa phương; các cấp quản lý giáo dục chỉ đạo sát sao việc thực hiện Nghị quyết, chương trình hành động nhằm đạt được kết quả tốt nhất theo các mục tiêu đã đề ra; ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong công tác lãnh đạo của cấp ủy và quản lý chỉ đạo của chính quyền địa phương các cấp.

3.3.2. Giải pháp 2: Xây dựng kế hoạch hoạt động, đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học của Trung tâm học tập cộng đồng gắn với mục tiêu đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời của địa phương, đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ và xây dựng các mô hình học tập

3.3.2.1. Mục tiêu của giải pháp

Giúp ban quản lý TTHTCĐ xây dựng các bước tiến hành và xác định đúng nhu cầu học tập của người dân tại CĐ đáp ứng mục tiêu phát triển KTXH của địa phương, từ đó xây dựng kế hoạch hoạt động có nội dung, phương pháp phù hợp với nhu cầu HTSĐ của CĐ.

3.3.2.2. Ý nghĩa của giải pháp

Tạo động lực phát triển phong trào HTSĐ, giúp người dân tham gia các hoạt động của TTHTCĐ để nâng cao chất lượng cuộc sống về kinh tế - văn hóa trong công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

3.3.2.3. Nội dung

1) Một số nội dung cần được chú trọng: công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục; nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề để lao động có hiệu quả hơn; chuyển giao công nghệ sản xuất phù hợp với nền kinh tế tri thức, nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ; chia sẻ kinh nghiệm, sáng kiến, bài học, giữ gìn nghề truyền thống của địa phương; hoạt động giao lưu văn hóa, thể thao giữ bản sắc văn hóa dân tộc; kiến thức về kỹ năng sống, xây dựng cuộc sống cá nhân và cộng đồng ngày càng hạnh phúc hơn.

2) Khảo sát nhu cầu của người học và của cộng đồng, kiên trì vận động học viên tham gia các nội dung hoạt động đa dạng ở TTHTCĐ

Tổ chức các cuộc họp thảo luận về cộng đồng, phát phiếu điều tra nhu cầu đến từng hộ gia đình, phỏng vấn các nhóm đối tượng hoặc qua nghiên cứu các báo cáo của các đoàn thể, tổ chức xã hội ở địa phương. Thông tin càng đầy đủ thì việc xác định nội dung học tập càng phù hợp hơn.

3) Xây dựng kế hoạch phát triển TTHTCĐ ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với nhu cầu phát triển KTXH của địa phương và kế hoạch hoạt động của TTHTCĐ có nội dung, phương pháp phù hợp với nhu cầu học tập của CĐ.

4) Xây dựng chương trình, nội dung dạy và học đa dạng, linh hoạt, hấp dẫn, đáp ứng nhu cầu của người học

5) Gắn nội dung học tập và hình thức hoạt động của TTHTCĐ với xây dựng XHHT, xây dựng mô hình năng lực của công dân học tập; căn cứ Đề án “Đẩy mạnh phong trào HTSD trong gia đình, dòng họ, cộng đồng 2020”, đồng thời tham khảo mô hình năng lực công dân học tập của các nước trên thế giới và trong khu vực, mô hình năng lực của công dân Việt Nam gồm: 1) Phát huy tinh thần hiếu học, có trách nhiệm với nghĩa vụ học tập; 2) Năng lực tự học; 3) Nắm được một nghề và năng động trong lập nghiệp; 4) Đạo đức công dân, ý thức chấp hành pháp luật; 5) Có ý thức xây dựng, đóng góp cho xã hội; 6) Nắm được công nghệ thông tin; 7) Năng suất lao động cao; 8) Ý thức vươn lên không chịu đói nghèo.

6) Ứng dụng CNTT và truyền thông trong xây dựng kế hoạch phát triển TTHTCĐ, kế hoạch hoạt động, đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của các hoạt động dạy và học ở TTHTCĐ.

7) Lựa chọn phương pháp dạy học thích hợp, phù hợp với: mục tiêu, nội dung dạy học; thói quen, hứng thú, trình độ, ngôn ngữ của người học; điều kiện CSVC, trang thiết bị hiện có; thời gian thực tế.

3.3.2.4. Điều kiện thực hiện giải pháp

Cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, tổ chức chính trị xã hội, CĐ địa phương có trách nhiệm cao trong chỉ đạo và tổ chức hoạt động của TTHTCĐ. Cán bộ quản lý TTHTCĐ chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động và hiểu rõ nhu cầu, điều kiện và khả năng của người học. Đảm bảo cơ sở vật chất và trang thiết bị tối thiểu để tổ chức các hoạt động về dạy và học của TTHTCĐ.

3.3.4. Giải pháp 3: Hoàn thiện bộ máy tổ chức, cơ chế vận hành, gắn hoạt động của TTHTCĐ với sự nghiệp xây dựng nông thôn mới (ở nông thôn) và khu dân cư văn hóa (ở thành thị); nâng cao năng lực quản lý đối với cán bộ quản lý và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên, hướng dẫn viên, báo cáo viên trung tâm học tập cộng đồng

3.3.3.1. Mục tiêu của giải pháp

Đội ngũ quản lý TTHTCĐ có đủ năng lực quản lý đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của trung tâm trong công cuộc xây dựng nông thôn mới và khu dân cư văn hóa giai đoạn hiện nay.

3.3.3.2. Ý nghĩa của giải pháp

Xây dựng, hoàn thiện bộ máy tổ chức, cơ chế vận hành, chức năng nhiệm vụ TTHTCĐ sẽ giúp đội ngũ quản lý TTHTCĐ nâng cao năng lực quản lý, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của trung tâm trong giai đoạn hiện nay và giai đoạn đến năm 2020.

3.3.3.3. Nội dung và cách thức thực hiện giải pháp

1) Thực hiện tốt các quy định hiện hành về tổ chức bộ máy TTHTCĐ phù hợp với đặc điểm KTXH trên địa bàn.

Kịp thời củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý, nhân sự đảm bảo cho TT hoạt động không bị gián đoạn khi có sự thay đổi về nhân sự. Bộ máy quản lý TTHTCĐ phải phù hợp với mô hình của trung tâm. Đối với mô hình TTHTCĐ ghép với Trung tâm văn hóa - thể thao (TTVHTT) nhân sự của bộ máy quản lý phải có thành viên phụ trách văn hóa, thể thao tham gia. Ngoài ra, còn có thể xem xét thêm một số mô hình khác, phù hợp với đặc thù của địa phương.

2) Củng cố hệ thống THTCĐ hiện có và gắn với nhiệm vụ về xây dựng nông thôn mới và khu dân cư văn hóa.

3) Nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ quản lý TTHTCĐ. Xác định được mô hình năng lực của các chức danh quản lý TTHTCĐ; tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên kiến thức quản lý cho đội ngũ cán bộ quản lý theo mô hình năng lực người cán bộ quản lý TTHTCĐ; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng bằng nhiều hình thức: tập huấn trực tiếp, biên soạn tài liệu tự học, tập huấn qua mạng internet cho cán bộ quản lý TTHTCĐ.

4) Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp sư phạm cho đội ngũ giáo viên, hướng dẫn viên, báo cáo viên của TTHTCĐ để công tác dạy học tại trung tâm có hiệu quả và phù hợp với khả năng tiếp thu của người học.

3.3.3.4. Điều kiện thực hiện giải pháp

Cấp ủy và chính quyền địa phương các cấp nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về việc xây dựng XHHT và phát triển TTHTCĐ; đảm bảo chế độ, chính sách cho cán bộ quản lý TTHTCĐ; tạo điều kiện tối đa về nhân lực và kinh phí thực hiện các đề án xây dựng và phát triển bền vững TTHTCĐ của địa phương.

3.3.4. Giải pháp 4: Phối hợp các lực lượng xã hội, đảm bảo sự tác động qua lại hiệu quả giữa giáo dục chính quy với giáo dục không chính quy và phi chính quy, xây dựng hệ thống thiết chế giáo dục - văn hóa trên địa bàn xã/phường

3.3.4.1. Mục tiêu của giải pháp

Hoàn thiện hệ thống thiết chế giáo dục - văn hóa trên địa bàn nhằm huy động tối đa các nguồn lực phục vụ cho việc xây dựng- phát triển - hoạt động của TTHTCĐ có hiệu quả nhất, tạo cơ hội cho mọi người dân có cơ hội tham gia HTSD.

3.3.4.2. Ý nghĩa của giải pháp

Mối liên kết, phối hợp lực lượng cán bộ giáo viên của trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT, TTGDTX trên địa bàn cùng tham gia các hoạt động của TT. Sự phối hợp giữa cơ sở văn hóa, thể thao với TTHTCĐ để huy động các nguồn lực sẵn có tại cộng đồng để TTHTCĐ tổ chức các hoạt động.

3.3.4.3. Nội dung và cách thức thực hiện giải pháp

1) Xây dựng mối quan hệ, sự liên kết giữa TTHTCĐ với các trường mầm non, tiểu học, THCS và THPT cùng tham gia các hoạt động của TTHTCĐ.

2) Xây dựng mối quan hệ, sự phối hợp giữa các TTHTCĐ và với các tổ chức KTXH của địa phương.

3) Phối hợp với các cơ sở giáo dục, cơ sở văn hóa, thể thao tại cộng đồng cùng chung tay xây dựng - phát triển bền vững và tổ chức các hoạt động của TTHTCĐ.

4) Xây dựng quy chế và cơ chế phối hợp giữa TTHTCĐ với các đơn vị, tổ chức.

3.3.4.4. Điều kiện thực hiện giải pháp

Cấp ủy và chính quyền các cấp thường xuyên quan tâm và chỉ đạo sát sao các ngành, các tổ chức, đơn vị cùng phối hợp với TTHTCĐ trong việc tổ chức các hoạt động. Hội khuyến học phối hợp với TTHTCĐ xây dựng quy chế phối hợp với các lực lượng xã hội, các cơ sở giáo dục, cơ sở văn hóa thể thao để tổ chức các hoạt động của TTHTCĐ. Cán bộ quản lý phải có năng lực vận động nhân dân, các ban ngành, đoàn thể trong CD tham gia quản lý TTHTCĐ.

3.3.5. Giải pháp 5: Đảm bảo tài chính và các điều kiện về CSVC - kỹ thuật cần thiết đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động của TTHTCĐ

3.3.5.1. Mục tiêu của giải pháp

Huy động tối đa mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị của TTHTCĐ; đảm bảo nguồn kinh phí chi thường xuyên cho các hoạt động đáp ứng nhu cầu HTTX, HTSD của cộng đồng.

3.3.5.2. Ý nghĩa của giải pháp

Nguồn lực có ý nghĩa quyết định đến xây dựng và phát triển bền vững TTHTCĐ, đòi hỏi sự quan tâm và vào cuộc quyết liệt các cấp, các ngành và các lực lượng xã hội trong việc xây dựng, phát triển và tổ chức hoạt động TTHTCĐ.

3.3.5.3. Nội dung và cách thức thực hiện giải pháp

Đầu tư xây dựng CSVC- kỹ thuật, trang thiết bị và nguồn lực phục vụ các hoạt động của TTHTCĐ; theo quy chế phối hợp đã xây dựng “sử dụng các CSVC - trang thiết bị sẵn có trên địa bàn cấp xã” như Nhà văn hóa, Trung tâm TDTT, Bưu điện hoặc CSVC khác; tận dụng CSVC của các công sở, của các đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn; khai thác CSVC - kỹ thuật của các cơ sở giáo dục và đào tạo khác trên địa bàn.

Đảm bảo thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định của nhà nước về kính phí hỗ trợ một số nội dung chi tại TTHTCĐ; đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong việc huy động các nguồn lực khác; Phát huy nguồn lực CSVC, đội ngũ giáo viên, hướng dẫn viên của TTHTCĐ để chủ động kết nối với chương trình, dự án đang triển khai trên địa bàn, các tổ chức quốc tế, các nhà hảo tâm.

3.3.5.4. Điều kiện thực hiện

Có sự đồng thuận của cấp ủy, chính quyền các cấp với các ban ngành đang quản lý các CSVC trên địa bàn; thống nhất, phối hợp sử dụng các CSVC có hiệu quả với các đơn vị bạn. Đội ngũ cán bộ quản lý TT thật sự năng động, linh hoạt trong việc huy động các nguồn lực khác ngoài ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển CSVC - kỹ thuật và phục vụ cho các hoạt động của TTHTCĐ với vì sự phát triển KT-XH của cộng đồng.

3.3.6. Giải pháp 6: Hướng hoạt động của TTHTCĐ theo yêu cầu an sinh xã hội của địa phương

3.3.6.1. Mục tiêu của giải pháp

Hướng các hoạt động của TTHTCĐ vào việc phục vụ giải quyết tình trạng nghèo tri thức, nghèo nhân văn, nghèo thu nhập; đồng thời nâng cao trình độ thụ hưởng văn hóa của nhân dân, trình độ tri thức và kỹ năng để tự an sinh, đủ năng lực để đối mặt với những rủi ro trong cuộc sống.

3.3.6.2. Ý nghĩa của giải pháp

Vấn đề an sinh xã hội luôn được Đảng và nhà nước quan tâm hàng đầu trong việc xây dựng đất nước phát triển KTXH theo định hướng XHCN và hòa nhập quốc tế, tích cực tham gia giải quyết vấn đề này sẽ nâng tầm tác dụng và ý nghĩa hoạt động của TTHTCĐ.

3.3.6.3. Nội dung và cách thức thực hiện giải pháp

1) Tổ chức các hoạt động tại TTHTCĐ nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho dân cư, như: tạo ra công ăn việc làm, nhà ở, dịch vụ xã hội (khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe thường xuyên...), dịch vụ về giao thông, kỹ năng sống cho các lứa tuổi...

2) Trang bị cho người dân kiến thức, kỹ năng để phòng tránh rủi ro, những nguy cơ xấu trong đời sống hàng ngày từ môi trường tự nhiên và môi trường xã hội.

3.3.6.4. Điều kiện thực hiện

Chính quyền địa phương cần quan tâm chỉ đạo công tác phổ biến kiến thức pháp luật; vận động nhân dân hủy bỏ các tập tục lạc hậu không còn phù hợp với đời sống hiện đại và hội nhập quốc tế; phát huy tinh thần gia đình văn hóa, dòng họ hiếu học.

3.3.7. Giải pháp 7: Xây dựng cơ chế giám sát, kiểm tra, đánh giá có hiệu quả các hoạt động GD của TTHTCĐ; kịp thời tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, nhân điển hình tiên tiến, khen thưởng và tôn vinh mọi tâm lòng, mọi công sức cho phát triển TTHTCĐ

3.3.7.1. Mục tiêu của giải pháp

Giúp cho các cấp quản lý giáo dục, cấp ủy và chính quyền các cấp, các lực

lượng xã hội, thấy rõ vai trò quan trọng của công tác giám sát, kiểm tra, đánh giá có hiệu quả các hoạt động của TTHTCĐ và tổ chức thực hiện hướng tới mục tiêu phát triển bền vững TTHTCĐ.

3.3.7.2. Ý nghĩa của giải pháp

Việc thực hiện chế độ tự kiểm tra, đánh giá của tập thể và cá nhân đi đôi với việc triển khai tốt kế hoạch thanh tra, kiểm tra giám sát, đánh giá của giám đốc TTHTCĐ là một việc làm thường xuyên của đơn vị.

Công tác thi đua khen thưởng, nhân điển hình tiên tiến là động lực để thúc đẩy sự phát triển nhanh, bền vững TTHTCĐ.

3.3.7.3. Nội dung và cách thức thực hiện giải pháp

1) Xây dựng cơ chế giám sát, kiểm tra, đánh giá có hiệu quả các hoạt động GD của TTHTCĐ theo quy định hiện hành của ngành giáo dục, cấp ủy và chính quyền các cấp.

2) Trong tương lai, sau khi có hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, TTHTCĐ tiến tới tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục như các cơ sở giáo dục chính quy.

3) Thực hiện giám sát, kiểm tra, đánh giá các hoạt động GD của TTHTCĐ.

4) Huy động cộng đồng tham gia giám sát, đánh giá các hoạt động của TTHTCĐ.

5) Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết các hoạt động TTHTCĐ cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh, khu vực để đánh giá về công tác quản lý và tổ chức hoạt động của TTHTCĐ, chỉ ra những ưu điểm, khuyết điểm và những bài học kinh nghiệm; kịp thời khen thưởng tập thể và cá nhân có nhiều thành tích trong học tập, công tác xây dựng và phát triển TTHTCĐ (cán bộ quản lý, giáo viên, hướng dẫn viên, học viên, các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, các nhà hảo tâm trong và ngoài nước); xây dựng và nhân rộng các mô hình điển hình, tiên tiến trong phong trào phát triển TTHTCĐ, xây dựng XHHT ở các địa phương, đơn vị.

3.3.7.4. Điều kiện thực hiện giải pháp

Cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp và các đơn vị sự nghiệp phải nắm vững các chế độ, chính sách, những quy định của Chính phủ, các Bộ, ngành liên quan về nhiệm vụ xây dựng và phát triển TTHTCĐ, xây dựng XHHT. Cán bộ quản lý TTHTCĐ phải nắm vững mục đích, yêu cầu của việc giám sát, đánh giá; có năng lực xây dựng kế hoạch và tổ chức giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của TTHTCĐ; có năng lực phân tích và xử lý các kết quả sau giám sát, đánh giá.

3.3.8. Giải pháp 8: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong công tác quản lý, công tác dạy và học để phát triển TTHTCĐ

3.3.8.1. Mục tiêu của giải pháp

Hoàn thiện việc ứng dụng CNTT và TT trong quản lý và điều hành TTHTCĐ; đổi mới phương pháp dạy và học để phát triển TTHTCĐ.

3.3.8.2. Ý nghĩa của giải pháp

Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) mang lại hiệu quả cao trong toàn bộ các hoạt động quản lý, điều hành và tổ chức các hoạt động của TTHTCĐ.

3.3.8.3. Nội dung và cách thức thực hiện giải pháp

1) Nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ quản lý, HDV, GV về tầm quan trọng của việc ứng dụng CNTT và truyền thông trong quản lý, dạy và học ở TTHTCĐ

2) Tổ chức bồi dưỡng cho CBQL, GV, HDV, HV các TTHTCĐ về kiến thức, kỹ năng tin học cơ bản và truy cập internet hiệu quả.

3) Triển khai Phần mềm quản lý điều hành các TTHTCĐ (CLC-MIS) hỗ trợ TTHTCĐ trong công tác quản lý, dạy và học, hỗ trợ các cấp quản lý thu thập và tổng hợp thông tin. Truy cập hệ thống theo địa chỉ: WWW.CLC-MIS.EDU.VN.

4) Đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong việc ứng dụng CNTT và TT trong quản lý và đổi mới dạy và học ở TTHTCĐ.

3.3.8.4. Điều kiện thực hiện giải pháp

Cán bộ quản lý ở TTHTCĐ có sự đồng thuận và phải biết sử dụng máy tính và các phần mềm quản lý; Đội ngũ HDV, GV không ngừng nâng cao trình độ về CNTT, biết cách triển khai tích hợp CNTT vào quá trình dạy học một cách khoa học, hiệu quả. Đảm bảo CSVC và nguồn tài chính để đủ chi phí cho việc mở các lớp học.

3.4. Mối quan hệ giữa các giải pháp

Mỗi giải pháp có nội dung riêng, nhưng toàn bộ nội dung 8 giải pháp đều có mối liên hệ chặt chẽ, khăng khít, bổ sung cho nhau, là cơ sở tiền đề cho nhau và đều chung một mục tiêu là phát triển bền vững hệ thống TTHTCĐ góp phần xây dựng XHHT.

Giải pháp 1, giải pháp 3, giải pháp 4 là những giải pháp liên quan đến con người cùng “chung tay” cùng tham gia xây dựng và phát triển TTHTCĐ. Giải pháp 2, giải pháp 5, giải pháp 6 và giải pháp 8 gồm những nội dung hoạt động của TTHTCĐ hướng về lợi ích của người dân, là yếu tố quan trọng trong phát triển KT-XH của địa phương.

Trong khuôn khổ nghiên cứu đề tài, chúng tôi nhận thấy giải pháp có tính đột phá là “*Giải pháp 8: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong công tác quản lý, công tác dạy và học để phát triển TTHTCĐ*”. Giải pháp có vai trò quyết định đến sự phát triển bền vững của TTHTCĐ trong những năm đầu xây dựng xã hội học tập, đó là “*Giải pháp 2: Xây dựng kế hoạch hoạt động, đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học của TTHTCĐ gắn với mục tiêu đẩy mạnh phong trào HTSD của địa phương, đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ và xây dựng các mô hình học tập*”.

3.5. Khảo nghiệm tính cần thiết và tính khả thi của các giải pháp đã đề xuất

Tổ chức trưng cầu ý kiến qua phiếu hỏi (mẫu); đánh giá theo từng mức độ; tổng hợp, phân tích số liệu đánh giá theo từng nhóm đối tượng nhằm đánh giá mức độ cần thiết và khả thi của các giải pháp mà luận án đã đề xuất. Kết quả khảo nghiệm 8 giải pháp đề xuất là rất cần thiết và rất khả thi.

3.6. Thử nghiệm giải pháp 2: Xây dựng kế hoạch hoạt động, đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học của TTHTCĐ gắn với mục tiêu đẩy mạnh phong trào HTSD của địa phương, đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ và xây dựng các mô hình học tập

3.6.1. Những vấn đề chung về thử nghiệm

Do yếu tố thời gian và các điều kiện khác không cho phép, vì vậy chúng tôi đã tiến hành thử nghiệm 01 giải pháp tại hai TTHTCĐ Thị trấn Đông Triều và TTHTCĐ Mạo Khê, Huyện Đông Triều của tỉnh Quảng Ninh.

Đây là giải pháp được xác định là then chốt nhất trong các giải pháp đề xuất. Thực hiện tốt giải pháp này là cơ sở để thực hiện tốt các giải pháp khác. Hơn nữa, việc thực nghiệm giải pháp này còn đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu đối với một thực nghiệm.

3.6.2. Tiến trình và kết quả thử nghiệm

Thời gian thực hiện: từ tháng 01 đến tháng 5 năm 2014. Kết quả sau 5 tháng thực hiện, TTHTCĐ Thị trấn Đông Triều đã tổ chức được 23 hoạt động với tất cả 53 lớp và 18.116 lượt người tham gia trong khi đó cả năm 2013 trung tâm tổ chức được 66 lớp học với 14.857 lượt người tham gia; Thị trấn Mạo Khê, sau 5 tháng thực hiện đã tổ chức được 66 lớp và 35.632 lượt người tham gia trong khi đó cả năm 2013 trung tâm tổ chức được 101 lớp học với 21.849 lượt người tham gia.

Đánh giá về nội dung hoạt động đều đạt mức rất cần thiết và cần thiết, rất phù hợp và phù hợp với nhu cầu thực tiễn; Về tổ chức và phương pháp thực hiện đều được đánh giá mức độ tốt. Nội dung, tài liệu hoạt động sau khi đăng tải lên trang Website của Trung tâm đều có số người truy cập tăng hơn trong năm 2014.

Kết luận chương 3

Đề tài Luận án đã đề xuất Tám giải pháp quản lý phát triển TTHTCĐ. Để nâng cao hiệu quả quản lý và phát triển bền vững TTHTCĐ vùng ĐBSH cần phải tổ chức thực hiện đồng bộ 8 giải pháp một cách linh hoạt trên cơ sở mối quan hệ, tương tác giữa các giải pháp và chú trọng đến những giải pháp mang tính quyết định, tính đột phá để TTHTCĐ thực sự là “của cộng đồng, do cộng đồng và vì cộng đồng”. Giải pháp 2 được xác định là giải pháp giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc nâng cao hiệu quả quản lý và phát triển bền vững phát triển TTHTCĐ nên được chọn để thử nghiệm.

Trong suốt quá trình tổ chức khảo nghiệm cả Tám giải pháp và thử nghiệm giải pháp 2, kết quả cho thấy cả Tám giải pháp đều phù hợp và có tính khả thi cao trong việc xây dựng, quản lý và phát triển TTHTCĐ vùng ĐBSH trong thời điểm hiện nay.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trong thời kỳ mở đầu nền kinh tế tri thức, hội nhập, toàn cầu hóa hiện nay, xây dựng XHHT, tạo cơ hội cho mọi người được HTSD để phát triển hết mọi khả năng của mình, trực tiếp tham gia vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và địa phương; thiết lập mối quan hệ mật thiết giữa người dân với người dân, giữa người dân với cộng đồng và thực hiện “Giáo dục cho mọi người, mọi người vì giáo dục” là yêu cầu của mỗi quốc gia để phát triển bền vững.

Các nước đã đưa ra nhiều loại hình, phương thức tổ chức hoạt động GDKCQ tại cộng đồng dân cư, trong đó có thiết chế TTHTCĐ. Các cơ sở giáo dục này ngày càng phát huy được vai trò quan trọng và góp phần xây dựng XHHT, đóng góp cho công cuộc

phát triển đất nước (như Nhật Bản, Trung quốc, Thái Lan,...) và đều được Nhà nước coi trọng và quan tâm đầu tư về nhiều mặt.

Ở Việt Nam, từ năm 1999, trên cơ sở học tập và vận dụng kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới và kết quả xây dựng thí điểm TTHTCĐ ở một số địa phương, Bộ GDĐT đã chỉ đạo triển khai xây dựng và phát triển TTHTCĐ đại trà trên cả nước. Các cơ quan chức năng đã ban hành một hệ thống văn bản pháp quy làm cơ sở để chỉ đạo, quản lý, điều hành hoạt động của TTHTCĐ, thực hiện thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Điều đó chứng tỏ, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã coi TTHTCĐ như một thiết chế giáo dục người lớn ưu việt, có hiệu quả, không một loại hình nào có thể thay thế được.

Đồng bằng Sông Hồng là vùng KT-XH trọng điểm của cả nước, với mạng lưới TTHTCĐ gần như phủ kín các đơn vị cấp xã (tỷ lệ bao phủ: 99,96%). Tuy nhiên hiện nay, các TTHTCĐ ở Việt Nam nói chung, ở vùng ĐBSH nói riêng, vẫn chưa đáp ứng được mục tiêu đề ra, chưa thật sự đáp ứng được nhu cầu học tập thường xuyên, suốt đời của người dân, còn nhiều bất cập cần được khắc phục để hoạt động của các TTHTCĐ phục vụ đắc lực cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Vùng ĐBSH và mục tiêu của “Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Trên cơ sở lý luận và căn cứ thực tiễn, luận án đề xuất 8 giải pháp phát triển TTHTCĐ cho các tỉnh vùng ĐBSH trong những đầu xây dựng XHHT ở Việt Nam. Các giải pháp được đề xuất chính là sự tổng kết lý luận và thực tiễn, đồng thời bổ sung hoàn thiện phù hợp với hoàn cảnh thực tế của ĐBSH, đặc điểm phát triển hiện nay của thế giới và trong nước. Trong đó, giải pháp có tính chất quyết định sự phát triển bền vững của TTHTCĐ trong những năm đầu xây dựng XHHT là: *“xây dựng kế hoạch hoạt động, đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học gắn với mục tiêu đẩy mạnh phong trào HTSD của địa phương, đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ và xây dựng các mô hình học tập”* và giải pháp có tính đột phá là: *“Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào trong công tác quản lý, công tác dạy và học để phát triển TTHTCĐ”*.

2. Khuyến nghị

Kết quả nghiên cứu đã đạt được của Luận án có thể là tư liệu tham khảo không chỉ ở vùng ĐBSH mà còn có thể được xem xét, điều chỉnh bổ sung để áp dụng ở những địa phương khác trong cả nước.

Trong các giải pháp được đề xuất đều nêu những điều kiện để thực hiện có hiệu quả, trong đó có những điều kiện thuộc về phạm vi quản lý vĩ mô, cần được các cơ quan quản lý các cấp xem xét, đáp ứng bằng cách ban hành những chính sách phù hợp./.

**CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU
CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Lê Thị Phương Hồng (2013), “Thực trạng xã hội hóa trung tâm học tập cộng đồng trong quá trình xã hội hóa giáo dục”, Tạp chí Giáo dục số 316 (kỳ 2-8/2013), tr 6- 8.
2. Lê Thị Phương Hồng (2014), “Kinh nghiệm về xây dựng và phát triển trung tâm học tập cộng đồng ở Việt Nam”, Tạp chí Giáo dục số 332 (kỳ 2-4/2014), tr 5- 8.
3. Lê Thị Phương Hồng (2014), “Kinh nghiệm một số nước về phát triển trung tâm học tập cộng đồng vận dụng vào Việt Nam”, Tạp chí Giáo dục số 337 (kỳ1-7/2014), tr 18- 21.
4. Lê Thị Phương Hồng (2014), “Một số vấn đề lý luận về trung tâm học tập cộng đồng”, Tạp chí Giáo dục số 348 (kỳ2- 12/2014), tr 1- 4.
5. Lê Thị Phương Hồng (2015), “Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong công tác quản lý, dạy học ở trung tâm học tập cộng đồng vùng đồng bằng Sông Hồng”, Tạp chí Giáo dục số 368 (kỳ2- 10/2015), tr 4 - 6.